



TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 8 năm 2019

Số: 198 /2019/SGW.KT

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM

V/v: Giải trình chênh lệch kết quả hoạt động kinh doanh của công ty mẹ 6 tháng năm 2019

Đơn vị công bố thông tin: Công ty Cổ phần Hạ tầng nước Sài Gòn

Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 5, Số 70 Lữ Gia, Phường 15, Quận 11, TP. Hồ Chí Minh.

Điện thoại 028 62918483

Fax: 028 62918489

Mã chứng khoán: SII

Công ty Cổ phần Hạ tầng Nước Sài Gòn giải trình chênh lệch kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm báo cáo soát xét 6 tháng năm 2019 và 6 tháng năm 2018 như sau:

CHỈ TIÊU	6 tháng năm 2019	6 tháng năm 2018	Đơn vị: VND
			Tăng (+) giảm(-) kỳ này so với cùng kỳ năm trước
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	(26.481.538.367)	(27.709.849.883)	1.228.311.516
Doanh thu hoạt động tài chính	22.806.083.463	57.897.673.280	(35.091.589.817)
Chi phí hoạt động tài chính	47.446.894.942	44.750.842.341	2.696.052.601
Chi phí bán hàng	4.338.236.781	3.666.894.604	671.342.177
Chi phí quản lý doanh nghiệp	10.915.197.978	15.429.527.542	(4.514.329.564)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	25.249.252.390	51.418.176.868	(26.168.924.478)

Trong 6 tháng năm 2019 lợi nhuận sau thuế TNDN giảm so với 6 tháng năm 2018 chủ yếu là do:

- Doanh thu hoạt động tài chính giảm do 6 tháng năm 2018 Công ty có phát sinh khoản lãi chuyển nhượng cổ phần Công ty Cần Thơ từ Công ty Cổ phần Kỹ thuật Enviro.
- Chi phí hoạt động tài chính tăng là do 6 tháng năm 2019 ghi nhận khoản trích lập dự phòng đầu tư Công ty Cổ phần giải pháp Mạng nước Châu Á (Công ty con của SII).

Doanh thu tài chính giảm, chi phí hoạt động tài chính tăng và chi phí bán hàng tăng đã dẫn đến lợi nhuận sau thuế 6 tháng năm 2019 giảm so với cùng kỳ năm trước.

Chúng tôi cam kết giải trình trên đây đúng thực tế hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty.

Trân trọng báo cáo!

Nơi nhận:
+ Như trên
+ Lưu

TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY
CỔ PHẦN
HẠ TẦNG NƯỚC
SÀI GÒN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
Nguyễn Văn Thành

CÔNG TY CỔ PHẦN HẠ TẦNG NƯỚC SÀI GÒN
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019



MỤC LỤC

<u>NOI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 3
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	4 - 5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
Bảng Cân đối kế toán giữa niên độ	6 - 7
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	8
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	9 - 10
Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	11 - 45

510
OK
T
K
NH

CÔNG TY CỔ PHẦN HẠ TẦNG NƯỚC SÀI GÒN

Tầng 5, số 70 Lữ Gia, Phường 15, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Hạ tầng Nước Sài Gòn (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính riêng đã được soát xét của Công ty cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019.

THÔNG TIN VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Hạ tầng Nước Sài Gòn (gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0303476454 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 27 tháng 8 năm 2004 và qua các lần thay đổi.

Vốn điều lệ của Công ty là 645.160.000.000 VND, được chia thành 64.516.000 cổ phần bằng nhau, mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND.

Công ty mẹ của Công ty là Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh (“CIIP”) với tỷ lệ sở hữu là 50,61%.

Công ty có trụ sở chính tại tầng 5, số 70 Lữ Gia, Phường 15, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2019 là 137 (tại ngày 1 tháng 1 năm 2019 là 159).

Tên giao dịch bằng Tiếng Anh của Công ty: Sai Gon Water Infrastructure Corporation, tên viết tắt là: SaiGon Water.

Công ty hiện đang niêm yết cổ phiếu tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh, mã cổ phiếu: SII

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Lê Vũ Hoàng	Chủ tịch
Bà Nguyễn Mai Bảo Trâm	Thành viên
Ông Virgilio Cervantes Rivera, Jr	Thành viên
Ông Lê Quốc Bình	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Thành	Thành viên
Ông Ferdinand Dela Cruz	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Tuyết Mai	Thành viên (bổ nhiệm ngày 17 tháng 4 năm 2019)
Ông Nguyễn Xuân Giao	Thành viên (bổ nhiệm ngày 17 tháng 4 năm 2019)
Ông Trần Thái Tùng	Thành viên (bổ nhiệm ngày 17 tháng 4 năm 2019)
Ông Lê Anh Thi	Thành viên (miễn nhiệm ngày 17 tháng 4 năm 2019)

Ban kiểm soát

Bà Victoria P. Sugapong	Trưởng ban (bổ nhiệm ngày 17 tháng 4 năm 2019)
Ông Nguyễn Văn Chính	Thành viên
Bà Võ Hoàng Oanh	Thành viên (bổ nhiệm ngày 17 tháng 4 năm 2019)
Ông Luis Juan B. Oreta	Trưởng ban (miễn nhiệm ngày 17 tháng 4 năm 2019)
Ông Mohammed Abdallah Humaid Al Harthi	Thành viên (miễn nhiệm ngày 17 tháng 4 năm 2019)

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Văn Thành	Tổng Giám đốc
Ông John Walter E.Tendencia	Phó Tổng Giám đốc
Ông Alvin S.Evangelista	Giám đốc kiểm soát tài chính (bổ nhiệm ngày 1 tháng 1 năm 2019)
Ông Châu Ngọc Trọng	Giám đốc kỹ thuật
Bà Nguyễn Thị Hồng Hạnh	Giám đốc tài chính
Bà Lourdes Ma Dalusung	Giám đốc kiểm soát tài chính (miễn nhiệm ngày 1 tháng 1 năm 2019)

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Theo nhận định của Ban Tổng Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính riêng cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính riêng cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Stephens.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ hay không;
- Lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được lập phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý khác có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN HẠ TẦNG NƯỚC SÀI GÒN

Tầng 5, số 70 Lữ Gia, Phường 15, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Nguyễn Văn Thành

Tổng Giám đốc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 8 năm 2019

Số: 731/2019/BCSX-BCYC/CPA VIETNAM

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Hạ tầng Nước Sài Gòn

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Hạ tầng Nước Sài Gòn (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 28 tháng 8 năm 2019, từ trang 6 đến trang 45, bao gồm Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính riêng giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2019, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.



The image shows a red circular stamp from CPA Vietnam. The stamp contains the text: "M.S.D.N: 0101912912", "CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM", and "THÀNH PHỐ HÀ NỘI - VIỆT NAM". A blue ink signature is written over the stamp.

Phan Huy Thắng

Tổng Giám đốc

Giấy CN ĐKHN kiểm toán số: 0147-2018-137-1

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM

Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế Moore Stephens

Tp. Hà Nội, ngày 28 tháng 8 năm 2019

CÔNG TY CỔ PHẦN HẠ TẦNG NƯỚC SÀI GÒN

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019

Mẫu số B 01a - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2019

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2019	01/01/2019
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		243.263.714.220	334.999.881.478
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	22.944.920.876	121.405.842.674
1. Tiền	111		1.721.129.662	3.041.713.192
2. Các khoản tương đương tiền	112		21.223.791.214	118.364.129.482
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		198.156.798.890	193.377.412.925
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	22.839.247.110	24.071.937.424
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.3a	30.996.735	5.263.692.639
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	5.4a	1.878.000.000	-
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.5a	176.551.649.939	167.194.030.880
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.6	(3.143.094.894)	(3.152.248.018)
III. Hàng tồn kho	140		13.803.049.387	13.651.202.369
1. Hàng tồn kho	141	5.7	13.803.049.387	13.651.202.369
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		8.358.945.067	6.565.423.510
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.8a	589.493.167	260.665.479
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		7.769.451.900	6.304.758.031
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		2.830.898.354.149	2.846.050.205.864
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		35.827.841.014	27.977.617.253
1. Trả trước cho người bán dài hạn	212	5.3b	1.587.739.727	-
2. Phải thu về cho vay dài hạn	215	5.4b	33.901.701.287	27.759.217.253
3. Phải thu dài hạn khác	216	5.5b	338.400.000	218.400.000
II. Tài sản cố định	220		1.625.295.178.538	1.647.585.525.655
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.9	1.624.572.734.427	1.647.510.230.497
- Nguyên giá	222		1.774.318.196.522	1.764.938.136.831
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(149.745.462.095)	(117.427.906.334)
2. Tài sản cố định vô hình	227	5.10	722.444.111	75.295.158
- Nguyên giá	228		770.354.180	90.354.180
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(47.910.069)	(15.059.022)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240		8.413.874.383	5.691.353.422
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.11	8.413.874.383	5.691.353.422
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	250	5.12	1.155.072.631.473	1.159.103.006.109
1. Đầu tư vào công ty con	251		850.000.000.000	850.000.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		119.659.788.611	119.659.788.611
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		194.438.195.000	194.438.195.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(9.025.352.138)	(4.994.977.502)
V. Tài sản dài hạn khác	260		6.288.828.741	5.692.703.425
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.8b	6.288.828.741	5.692.703.425
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		3.074.162.068.369	3.181.050.087.342

CÔNG TY CỔ PHẦN HẠ TĂNG NƯỚC SÀI GÒN

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019

Mẫu số B 01a - DN


BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)


Tại ngày 30 tháng 06 năm 2019

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2019	01/01/2019
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		1.971.882.685.854	2.101.876.316.133
I. Nợ ngắn hạn	310		278.408.029.847	148.424.844.865
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.13	20.686.585.576	19.990.304.484
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.14a	61.222.000	-
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.15	4.488.600.501	9.753.009.654
4. Phải trả người lao động	314		-	141.374.875
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.16	13.577.903.828	14.520.769.695
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	5.17a	100.000.000.012	-
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.18a	1.235.755.746	999.626.618
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.19a	136.610.700.000	102.120.000.000
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.747.262.184	899.759.539
II. Nợ dài hạn	330		1.693.474.656.007	1.953.451.471.268
1. Người mua trả tiền trước dài hạn	332	5.14b	80.976.000.000	80.976.000.000
2. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	5.17b	-	200.000.000.008
3. Phải trả dài hạn khác	337	5.18b	850.000.000.000	850.000.000.000
4. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.19b	762.498.656.007	822.475.471.260
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		1.102.279.382.515	1.079.173.771.209
I. Vốn chủ sở hữu	410	5.20	1.102.279.382.515	1.079.173.771.209
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		645.160.000.000	645.160.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		645.160.000.000	645.160.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		162.330.434.000	162.330.434.000
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		14.050.117.118	11.906.476.034
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		280.738.831.397	259.776.861.175
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		255.489.579.007	212.126.564.226
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		25.249.252.390	47.650.296.949
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		3.074.162.068.369	3.181.050.087.342

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 8 năm 2019


 Hồ Thị Xuân
 Người lập biểu


 Nguyễn Thị Hồng Hạnh
 Kế toán trưởng


 Nguyễn Văn Thành
 Tổng Giám đốc



CÔNG TY CỔ PHẦN HẠ TẦNG NƯỚC SÀI GÒN

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019

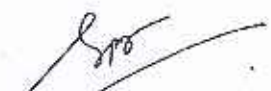
Mẫu số B 02a - DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019


CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số minh	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 VND	Đơn vị tính: VND
			Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01 5.21	30.191.208.529	19.794.054.823
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	-	-
3. Doanh thu thuần (10 = 01 - 02)	10	30.191.208.529	19.794.054.823
4. Giá vốn hàng bán	11 5.22	56.672.746.896	47.503.904.706
5. Lỗ gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20	(26.481.538.367)	(27.709.849.883)
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21 5.23	22.806.083.463	57.897.673.280
7. Chi phí tài chính	22 5.24	47.446.894.942	44.750.842.341
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23	43.030.122.306	44.363.049.756
8. Chi phí bán hàng	25 5.25	4.338.236.781	3.666.894.604
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26 5.26	10.915.197.978	15.429.527.542
10. Lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh [30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)]	30	(66.375.784.605)	(33.659.441.090)
11. Thu nhập khác	31 5.27	99.999.999.996	100.022.909.996
12. Chi phí khác	32 5.28	36.113.122	10.752.840
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40	99,963,886,874	100.012.157.156
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50	33.588.102.269	66.352.716.066
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51 5.29	8.338.849.879	11.735.668.338
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	-	3.198.870.860
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60	25.249.252.390	51.418.176.868

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 8 năm 2019




Hồ Thị Xuân
Người lập biểu


Nguyễn Thị Hồng Hạnh
Kế toán trưởng


Nguyễn Văn Thành
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ
(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ 01/01/2019	Từ 01/01/2018
		đến 30/06/2019	đến 30/06/2018
		VND	VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	33.588.102.269	66.352.716.066
2. Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	32.350.406.808	31.139.868.622
Các khoản dự phòng	03	4.021.221.512	-
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(22.806.083.463)	(51.521.348.760)
Chi phí lãi vay	06	43.409.772.306	44.742.699.754
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	90.563.419.432	90.713.935.682
Giảm/(Tăng) các khoản phải thu	09	3.863.485.449	(10.182.475.963)
(Tăng)/Giảm hàng tồn kho	10	(151.847.018)	978.137.601
Giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(100.045.272.719)	(103.406.438.865)
Tăng chi phí trả trước	12	(924.953.004)	(2.167.502.410)
Tiền lãi vay đã trả	14	(43.704.748.869)	(44.788.040.708)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(13.422.604.062)	(10.767.594.107)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(847.502.645)	(1.743.855.852)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(64.670.023.436)	(81.363.834.622)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(13.490.320.379)	(4.690.768.163)
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(6.528.000.000)	(8.000.000.000)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	96.418.080.000
4. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	40.976.000.000
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	12.093.187.270	55.681.964.634
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(7.925.133.109)	180.385.276.471

CÔNG TY CỔ PHẦN HẠ TẦNG NƯỚC SÀI GÒN

Bảo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019

Mẫu số B 03a - DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)*(Theo phương pháp gián tiếp)*


Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019

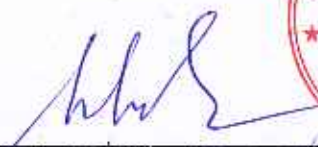
CHỈ TIÊU	Mã số	Đơn vị tính: VND	
		Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018
		VND	VND


III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

1. Tiền thu từ đi vay	33	27.500.000.000	-
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(53.365.765.253)	(4.690.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(25.865.765.253)	(4.690.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50	(98.460.921.798)	94.331.441.849
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	121.405.842.674	45.086.169.226
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60)	70	22.944.920.876	139.417.611.075

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 8 năm 2019


 Hồ Thị Xuân
 Người lập biểu


 Nguyễn Thị Hồng Hạnh
 Kế toán trưởng


 Nguyễn Văn Thành
 Tổng Giám đốc


CÔNG TY CỔ PHẦN HẠ TẦNG NƯỚC SÀI GÒN

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Mẫu số B 09a - DN

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Hạ tầng Nước Sài Gòn (gọi tắt là "Công ty") là công ty cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0303476454 do Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 27 tháng 8 năm 2004 và qua các lần thay đổi.

Vốn điều lệ của Công ty là 645.160.000.000 đồng, được chia thành 64.516.000 cổ phần bằng nhau, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Công ty mẹ của Công ty là Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh ("Công ty CH") với tỷ lệ sở hữu là 50,61%.

Công ty có trụ sở chính tại tầng 5, số 70 Lữ Gia, Phường 15, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2019 là 137 (tại ngày 1 tháng 1 năm 2019 là 159).

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: Sai Gon Water Infrastructure Corporation, tên viết tắt là: SaiGon Water.

Công ty hiện đang niêm yết cổ phiếu tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh, mã cổ phiếu: SII.

1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là bán buôn máy móc, thiết bị điện, thiết bị điều khiển - đo lường; lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp; hoạt động thiết kế chuyên dụng; tư vấn về môi trường, tư vấn về công nghệ khác (trừ tư vấn pháp luật); thiết kế xây dựng công trình xử lý chất thải, bán buôn thiết bị cấp thoát nước, hệ thống xử lý nước sạch - nước thải; bán buôn vật tư - thiết bị - phụ tùng ngành công nghiệp, thiết bị xử lý môi trường; bán buôn hóa chất khác (trừ sử dụng trong nông nghiệp); dịch vụ tư vấn về quản lý (trừ tư vấn tài chính); lắp đặt hệ thống điện; xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp; nuôi trồng thủy sản; sản xuất máy móc - thiết bị điện, thiết bị điều khiển - đo lường; lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí; chuẩn bị mặt bằng; hoạt động thiết kế chuyên dụng; cho thuê máy móc thiết bị, vật tư ngành điện, nước, nuôi trồng thủy sản; gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại; lập dự án đầu tư, tư vấn, chuyên giao công nghệ, dịch vụ tư vấn và xử lý môi trường; sản xuất sản phẩm từ plastic; thiết kế xây dựng công trình xử lý chất thải; khai thác, xử lý và cung cấp nước; thoát nước và xử lý nước thải và các ngành nghề khác được quy định trong giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

Hoạt động chính của Công ty trong kỳ là đầu tư và cung cấp các dịch vụ liên quan đến ngành nước sinh hoạt; buôn bán máy móc, thiết bị và phụ tùng khác; lắp đặt hệ thống điện; mua bán thiết bị cấp - thoát nước, hệ thống xử lý nước sạch - nước thải - môi trường, mua bán vật tư - thiết bị - phụ tùng ngành công nghiệp, thiết bị xử lý môi trường, mua bán hóa chất; thiết kế xây dựng công trình xử lý chất thải; khai thác, xử lý và cung cấp nước; thoát nước và xử lý nước thải.

1.3 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

CÔNG TY CỔ PHẦN HẠ TẦNG NƯỚC SÀI GÒN

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO) Mẫu số B 09a - DN**1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (TIẾP THEO)****1.4 Cấu trúc doanh nghiệp**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2019, Công ty đang đầu tư trực tiếp vào tám (08) công ty con và một (01) công ty liên doanh, liên kết. Thông tin chi tiết về các công ty được đầu tư này như sau:

	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	Hoạt động chính
<i>Công ty con</i>				
1. Công ty Cổ phần Kỹ thuật Enviro	Tp. Hồ Chí Minh	85,00%	85,00%	Lắp đặt hệ thống cấp thoát nước
2. Công ty Cổ phần Cấp nước Sài Gòn -	Tỉnh Lâm Đồng	90,00%	90,00%	Khai thác, xử lý và cung cấp nước
3. Công ty Cổ phần Cấp nước Sài Gòn	Tỉnh Gia Lai	55,00%	55,00%	Khai thác, xử lý và cung cấp nước
4. Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Củ Chi	Tp. Hồ Chí Minh	50,98%	50,98%	Khai thác, xử lý và cung cấp nước
5. Công ty Cổ phần Giải pháp mạng nước Châu Á	Tp. Hồ Chí Minh	51,00%	51,00%	Cung cấp dịch vụ tư vấn quản lý và chống thất thoát nước
6. Công ty Cổ phần Nước Sài Gòn - An Khê	Tỉnh Gia Lai	51,00%	51,00%	Khai thác, xử lý và cung cấp nước
7. Công ty Cổ phần Cấp thoát Nước Gia Lai	Tỉnh Gia Lai	51,00%	51,00%	Khai thác, xử lý và cung cấp nước
8. Công ty TNHH MTV Đầu tư Nước SGN (i)	Tp. Hồ Chí Minh	100,00%	100,00%	Hoạt động tư vấn quản lý, tư vấn kỹ thuật
<i>Công ty liên doanh, liên kết</i>				
1. Công ty Cổ phần Đầu tư Nước Tân Hiệp	Tp. Hồ Chí Minh	43,00%	43,00%	Khai thác, xử lý và cung cấp nước

(i) Công ty con này đang trong giai đoạn góp vốn.

1.5 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính, do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ là có thể so sánh được.

2. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**Kỳ kế toán**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm. Kỳ kế toán giữa niên độ bắt đầu ngày 1 tháng 1 đến ngày 30 tháng 6.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam đã được ban hành và có hiệu lực, liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Cơ sở lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ:

Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền: Bao gồm Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn)

Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở thực tế phát sinh thu-chi.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn, tiền gửi có kỳ hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, gửi tiền có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Các khoản cho vay

Là các khoản cho vay theo khế ước giữa các bên nhưng không được giao dịch mua, bán trên thị trường như chứng khoán.

Tất cả các khoản cho vay được phân loại là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ sẽ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Dự phòng các khoản cho vay khó đòi được lập cho từng khoản cho vay khó đòi căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc căn cứ vào mức tổn thất dự kiến có thể xảy ra.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản nợ phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải thu bao gồm phải thu khách hàng, phải thu nội bộ và phải thu khác được ghi nhận theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua (là đơn vị độc lập với người bán, gồm cả các khoản phải thu giữa công ty mẹ và công ty con, liên doanh, liên kết). Khoản phải thu này gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu của bên giao ủy thác thông qua bên nhận ủy thác. Các khoản phải thu thương mại được ghi nhận phù hợp với chuẩn mực doanh thu về thời điểm ghi nhận căn cứ theo hóa đơn, chứng từ phát sinh.
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không mang tính thương mại.

Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi: được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra theo hướng dẫn tại Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009.

Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và tính giá theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao tài sản cố định hữu hình và vô hình

Công ty quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ theo hướng dẫn tại Thông tư 45/2013/IT-BTC ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013.

a. Nguyên tắc kế toán

Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc kế toán và khấu hao tài sản cố định hữu hình và vô hình (Tiếp theo)

a. Nguyên tắc kế toán (tiếp theo)

Tài sản cố định hữu hình (tiếp theo)

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

b. Phương pháp khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà cửa vật kiến trúc	20
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	3 - 30
Thiết bị dụng cụ quản lý	3 - 5

Tài sản cố định vô hình của Công ty là chương trình phần mềm máy tính phục vụ cho quy trình quản lý và sản xuất nước sạch, được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 10 năm.

Nguyên tắc kế toán chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Đầu tư vào công ty con

Các công ty được xem là công ty con của Công ty khi Công ty nắm quyền kiểm soát tại các công ty này. Quyền kiểm soát được xác lập khi Công ty nắm giữ trên 50% quyền biểu quyết ở công ty con để có được quyền kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động của các công ty đó.

Góp vốn liên doanh

Các khoản góp vốn liên doanh là thỏa thuận trên cơ sở ký kết hợp đồng mà theo đó Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Cơ sở đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của đơn vị liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên đồng kiểm soát.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính (tiếp theo)

Trong trường hợp một công ty thành viên trực tiếp thực hiện hoạt động kinh doanh theo các thoả thuận liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và bất kỳ khoản nợ phải trả phát sinh chung phải gánh chịu cùng với các bên góp vốn liên doanh khác từ hoạt động của liên doanh được hạch toán vào báo cáo tài chính của công ty tương ứng và được phân loại theo bản chất của nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Các khoản công nợ và chi phí phát sinh có liên quan trực tiếp đến phần vốn góp trong phần tài sản đồng kiểm soát được hạch toán trên cơ sở dồn tích. Các khoản thu nhập từ việc bán hàng hoặc sử dụng phần sản phẩm được chia từ hoạt động của liên doanh và phần chi phí phát sinh phải gánh chịu được ghi nhận khi chắc chắn khoản lợi ích kinh tế có được từ các giao dịch này được chuyển tới hoặc chuyển ra khỏi Công ty và các khoản lợi ích kinh tế này có thể được xác định một cách đáng tin cậy.

Các thoả thuận góp vốn liên doanh liên quan đến việc thành lập một cơ sở kinh doanh độc lập trong đó có các bên tham gia góp vốn liên doanh được gọi là cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết, công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc. Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết, công cụ vốn của đơn vị khác được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có).

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết và đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập khi các công ty này bị lỗ dẫn đến nhà đầu tư có khả năng mất vốn hoặc khoản dự phòng do suy giảm giá trị các khoản đầu tư vào các công ty này (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư). Mức trích lập dự phòng tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Công ty trong các tổ chức kinh tế theo hướng dẫn tại Thông tư 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013.

Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí sản xuất kinh doanh của các kỳ kế toán sau.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước (tiếp theo)

Chi phí trả trước: được ghi nhận theo giá gốc và được phân loại theo ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ vào thời gian trả trước của từng hợp đồng.

Chi phí trả trước được phân bổ theo phương pháp đường thẳng theo thời gian thuê đối với chi phí thuê nhà, thuê đất, thuê hoạt động,....

Các khoản chi phí trả trước khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng, các chi phí này được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng từ một đến ba năm theo các quy định kế toán hiện hành.

Nguyên tắc kế toán nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán: gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán (là đơn vị độc lập với Công ty, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con, công ty liên doanh, liên kết).
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Bao gồm các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính, không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Công ty theo dõi các khoản vay và nợ thuê tài chính chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo Chuẩn mực kế toán chi phí đi vay.

Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận trái phiếu phát hành

Công ty phát hành trái phiếu thường cho mục đích vay dài hạn.

Giá trị ghi sổ của trái phiếu thường được phản ánh trên cơ sở thuần bằng trị giá trái phiếu theo mệnh giá trừ (-) Chiết khấu trái phiếu cộng (+) Phụ trội trái phiếu.

Công ty theo dõi chiết khấu và phụ trội cho từng loại trái phiếu phát hành và tình hình phân bổ từng khoản chiết khấu, phụ trội khi xác định chi phí đi vay tính vào chi phí sản xuất kinh doanh hoặc vốn hoá theo từng kỳ, cụ thể:

- Chiết khấu trái phiếu được phân bổ dần để tính vào chi phí đi vay từng kỳ trong suốt thời hạn của trái phiếu.
- Phụ trội trái phiếu được phân bổ dần để giảm trừ chi phí đi vay từng kỳ trong suốt thời hạn của trái phiếu.

Việc phân bổ khoản chiết khấu hoặc phụ trội có thể sử dụng phương pháp lãi suất thực tế hoặc phương pháp đường thẳng:

- Theo phương pháp lãi suất thực tế: Khoản chiết khấu hoặc phụ trội phân bổ vào mỗi kỳ được tính bằng chênh lệch giữa chi phí lãi vay phải trả cho mỗi kỳ trả lãi (được tính bằng giá trị ghi sổ đầu kỳ của trái phiếu nhân (x) với tỷ lệ lãi thực tế trên thị trường) với số tiền phải trả từng kỳ.
- Theo phương pháp đường thẳng: Khoản chiết khấu hoặc phụ trội phân bổ đều trong suốt kỳ hạn của trái phiếu.

Các khoản chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát hành trái phiếu được ghi nhận giảm trừ vào mệnh giá trái phiếu tại thời điểm phát sinh. Định kỳ, chi phí phát hành trái phiếu sẽ được phân bổ vào chi phí đi vay trong kỳ theo phương pháp nhất quán với việc phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội. Việc phân bổ được thực hiện bằng cách ghi tăng mệnh giá trái phiếu và chi phí đi vay trong kỳ.

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Lợi nhuận chưa phân phối xác định trên cơ sở kết quả kinh doanh sau thuế thu nhập doanh nghiệp và việc phân phối lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Lợi nhuận sau thuế của Công ty được trích chia cổ tức cho các cổ đông sau khi được phê duyệt bởi Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty và sau khi đã trích lập các quỹ dự trữ theo Điều lệ của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN HẠ TẦNG NƯỚC SÀI GÒN

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO) Mẫu số B 09a - DN

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu (tiếp theo)

Cổ tức được công bố và chi trả dựa trên số lợi nhuận ước tính đạt được. Cổ tức chính thức được công bố và chi trả trong niên độ kế tiếp từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối căn cứ vào sự phê duyệt của Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ được ghi nhận theo giá trị thực tế phát sinh và tập hợp theo giá trị và số lượng thành phẩm, hàng hóa, vật tư xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng, đảm bảo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng. Các chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho và dịch vụ cung cấp được ghi nhận ngay vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí đi vay: Ghi nhận hàng tháng căn cứ trên khoản vay, lãi suất vay và số ngày vay thực tế.

CÔNG TY CỔ PHẦN HẠ TẦNG NƯỚC SÀI GÒN

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO) Mẫu số B (09a) - DN

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại (hoặc thu nhập thuế thu nhập hiện hành và thu nhập thuế thu nhập hoãn lại) khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ.

- **Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành:** là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.
- **Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại:** là số thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh từ việc: ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong năm; hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước; không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các giao dịch được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất từ 20% trên thu nhập chịu thuế.

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính riêng tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính riêng cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Công cụ tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản trong đương tiền, các khoản phải thu ngắn hạn và các khoản phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản cho vay và các khoản đầu tư tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN HẠ TẦNG NƯỚC SÀI GÒN

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO) Mẫu số B 09a - DN

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Công cụ tài chính (tiếp theo)

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả và các khoản vay.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như Giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những Công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/06/2019	01/01/2019
	VND	VND
Tiền mặt	511.070.023	1.071.959.945
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	1.210.059.639	1.969.753.247
Các khoản tương đương tiền (i)	21.223.791.214	118.364.129.482
Cộng	22.944.920.876	121.405.842.674

(i) Các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền gửi tại ngân hàng thương mại có thời hạn gốc không quá ba (3) tháng.

5.2 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	30/06/2019	01/01/2019
	VND	VND
Khách hàng là bên liên quan	15.162.807.394	15.031.713.290
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Enviro	15.031.713.290	15.031.713.290
Công ty Cổ phần Giải pháp mạng nước Châu Á	131.094.104	-
Khách hàng khác	7.676.439.716	9.040.224.134
Khách hàng sử dụng nước sạch ở địa bàn Củ Chi	7.635.293.481	8.999.077.899
Các khoản phải thu khách hàng khác	41.146.235	41.146.235
Cộng	22.839.247.110	24.071.937.424

CÔNG TY CỔ PHẦN HẠ TẦNG NƯỚC SÀI GÒN

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO) Mẫu số B 09a - DN**5.3 Trả trước cho người bán**

	30/06/2019	01/01/2019
	VND	VND
a. Ngắn hạn		
Công ty TNHH MTV Nguyễn Hoàng Phúc	-	3.854.898.687
Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Cần Thơ	-	880.000.000
Các khoản trả trước cho người bán khác	30.996.735	528.793.952
Cộng	30.996.735	5.263.692.639
b. Dài hạn		
Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Cần Thơ	506.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển nước và môi trường Đại Việt	257.125.425	-
Công ty TNHH MTV Nguyễn Hoàng Phúc	731.701.850	-
Công ty Cổ phần Xây dựng và Giải pháp Công nghệ Môi trường Việt Nam	92.912.452	-
Cộng	1.587.739.727	-

5.4 Phải thu về cho vay

	30/06/2019	01/01/2019
	VND	VND
a. Ngắn hạn		
Phải thu bên liên quan		
Công ty Cổ phần Nước Sài Gòn - An Khê (i)	1.878.000.000	-
b. Dài hạn		
Phải thu bên liên quan		
Công ty Cổ phần Cấp nước Sài Gòn Pleiku (ii)	33.901.701,287	27.759.217,253

(i) Khoản cho Công ty Cổ phần Nước Sài Gòn - An Khê vay theo hợp đồng hỗ trợ vốn để bổ sung vốn lưu động. Khoản cho vay có thời hạn trong vòng 12 tháng và sẽ đáo hạn vào ngày 25 tháng 3 năm 2020, lãi suất cho vay cố định là 10,03%/năm.

(ii) Công ty đã ký hợp đồng hỗ trợ vốn với hạn mức 50.200.000.000 VND để Công ty Cổ phần Cấp nước Sài Gòn - Pleiku bổ sung nguồn vốn lưu động. Thời hạn giải ngân hỗ trợ vốn đến hết năm 2019. Lãi suất khoản hỗ trợ được tính theo lãi suất cho vay của Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam (VIB) - CN TP. HCM với kỳ hạn 1 năm. Lãi suất trong kỳ là 9,8%/năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN HẠ TẦNG NƯỚC SÀI GÒN

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO) Mẫu số B 09a - DN**5.5 Phải thu khác**

	30/06/2019	01/01/2019
	VND	VND
a. Ngắn hạn		
Phải thu tiền từ chuyển nhượng dự án đầu tư (i)	141.300.373.374	141.300.373.374
Phải thu tiền lãi từ chuyển nhượng dự án đầu tư (i)	30.641.068.840	24.264.744.321
Phải thu về cổ tức được chia	3.272.912.000	-
Ký cược, ký quỹ ngắn hạn	800.000.000	800.000.000
Tạm ứng cho nhân viên	210.206.900	23.000.000
Phải thu lãi cho vay, lãi tiền gửi tiết kiệm	64.326.325	493.150.685
Phải thu ngắn hạn khác	262.762.500	312.762.500
Cộng	176.551.649.939	167.194.030.880
b. Dài hạn		
Ký cược, ký quỹ dài hạn	238.400.000	218.400.000
Phải thu tiền hỗ trợ vốn	100.000.000	-
Cộng	338.400.000	218.400.000
<i>Trong đó, phải thu khác với bên liên quan</i>		
Công ty CII	171.941.442.214	165.565.117.695
Công ty TNHH MTV Đầu tư Kinh doanh địa ốc Lữ Gia	218.400.000	218.400.000
Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Củ Chi	100.000.000	50.000.000
Công ty Cổ phần Nước Sài Gòn - An Khê	38.950.474	-
Cộng	172.298.792.688	165.833.517.695

(i) Đây là số dư phải thu Công ty CII từ việc chuyển nhượng khoản đầu tư vào dự án Diamond Riverside.

CÔNG TY CỔ PHẦN HẠ TẦNG NƯỚC SÀI GÒN

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Mẫu số B 09a - DN

5.6 Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	30/06/2019			01/01/2019		
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Dự phòng VND
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	7.676.439.716	5.333.344.822	(2.343.094.894)	9.040.224.134	6.687.976.116	(2.352.248.018)
Phải thu khác	800.000.000	-	(800.000.000)	800.000.000	-	(800.000.000)
Cộng	8.476.439.716	5.333.344.822	(3.143.094.894)	9.840.224.134	6.687.976.116	(3.152.248.018)

CÔNG TY CỔ PHẦN HÀ TĂNG NƯỚC SÀI GÒN

Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO) Mẫu số B 09a - DN**5.7 Hàng tồn kho**

	30/06/2019		01/01/2019	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	12.814.704.091	-	12.662.857.073	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	988.345.296	-	988.345.296	-
Cộng	13.803.049.387	-	13.651.202.369	-

5.8 Chi phí trả trước

	30/06/2019	01/01/2019
	VND	VND
a. Ngắn hạn		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	142.615.233	146.954.260
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	446.877.934	113.711.219
Cộng	589.493.167	260.665.479
b. Dài hạn		
Chi phí thi công, lắp đặt đường ống, đồng hồ	6.003.724.096	4.767.275.178
Chi phí sửa chữa nhà máy, văn phòng	233.225.710	164.986.816
Công cụ dụng cụ xuất dùng	27.746.767	714.446.260
Chi phí trả trước dài hạn khác	24.132.168	45.995.171
Cộng	6.288.828.741	5.692.703.425

CÔNG TY CỔ PHẦN HẠ TẦNG NƯỚC SÀI GÒN

Báo cáo tài chính riêng cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Mẫu số B 09a - DN

5.9 Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ				
Tại ngày 01/01/2019	96.532.991.903	1.666.992.135.837	1.413.009.091	1.764.938.136.831
Xây dựng cơ bản hoàn thành (i)	-	9.380.059.691	-	9.380.059.691
Tại ngày 30/06/2019	96.532.991.903	1.676.372.195.528	1.413.009.091	1.774.318.196.522
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Tại ngày 01/01/2019	9.651.764.218	107.690.558.782	85.583.334	117.427.906.334
Khấu hao trong kỳ	2.413.360.812	29.827.794.495	76.400.454	32.317.555.761
Tại ngày 30/06/2019	12.065.125.030	137.518.353.277	161.983.788	149.745.462.095
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày 01/01/2019	86.881.227.685	1.559.301.577.055	1.327.425.757	1.647.510.230.497
Tại ngày 30/06/2019	84.467.866.873	1.538.853.842.251	1.251.025.303	1.624.572.734.427

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30 tháng 6 năm 2019 là 822.399.996 VND (tại ngày 1 tháng 1 năm 2019 là 30.000.000 VND).

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được sử dụng để thế chấp cho các khoản vay tại ngày 30 tháng 6 năm 2019 là 1.756.546.968.679 VND (tại ngày 1 tháng 1 năm 2019 là 1.760.761.855.016 VND) (xem thêm tại thuyết minh 5.19).

(i) Trong kỳ, Công ty đã kết chuyển tăng nguyên giá tài sản đối với mạng lưới cấp nước đã hoàn thành đưa vào sử dụng của phần 3, giai đoạn 2 thuộc dự án đầu tư phát triển, quản lý hệ thống cấp nước và phân phối nước sạch trên địa bàn huyện Củ Chi.

CÔNG TY CỔ PHẦN HẠ TẦNG NƯỚC SÀI GÒN

Báo cáo tài chính riêng cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO) Mẫu số B 09a - DN**5.10 Tài sản cố định vô hình**

	Chương trình phần mềm VND
NGUYÊN GIÁ	
Tại ngày 01/01/2019	90.354.180
Mua trong kỳ	680.000.000
Tại ngày 30/06/2019	<u>770.354.180</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ	
Tại ngày 01/01/2019	15.059.022
Khấu hao trong kỳ	32.851.047
Tại ngày 30/06/2019	<u>47.910.069</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI	
Tại ngày 01/01/2019	75.295.158
Tại ngày 30/06/2019	<u>722.444.111</u>

Nguyên giá tài sản cố định vô hình được sử dụng để thế chấp cho các khoản vay tại ngày 30 tháng 6 năm 2019 là 680.000.000 VND (tại ngày 1 tháng 1 năm 2019 là 0 VND) (xem thêm tại thuyết minh 5.19).

5.11 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	30/06/2019 VND	01/01/2019 VND
Dự án xã hội hóa đầu tư phát triển, quản lý hệ thống cấp nước và phân phối nước sạch trên địa bàn huyện Củ Chi (i)	<u>8.413.874.383</u>	<u>5.691.353.422</u>

(i) Dự án được thực hiện tại Thị trấn Củ Chi và 10 xã lân cận. Tổng mức vốn đầu tư dự kiến là 2.662 tỷ đồng, trong đó vốn ngân sách nhà nước là 600.000.000.000 VND, được thực hiện theo 2 giai đoạn. Giai đoạn 1 triển khai trong năm 2015 với tổng mức vốn là 1.657.957.072.479 VND, giai đoạn 2 thực hiện từ năm 2016 đến năm 2019 với tổng mức vốn dự kiến là 799.100.000.000 VND. Trong đó, đến ngày 30 tháng 6 năm 2019, Công ty đã kết chuyển tăng phần nguyên giá tài sản đã hoàn thành đưa vào sử dụng của giai đoạn 2 là 427.994.491.107 VND.

Như đã trình bày tại thuyết minh 5.19, Công ty sử dụng toàn bộ tài sản hình thành từ dự án này để thế chấp cho khoản vay dài hạn tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh 11.

CÔNG TY CỔ PHẦN HẠ TẦNG NƯỚC SÀI GÒN

Báo cáo tài chính riêng cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Mẫu số B 09a - DN

5.12 Đầu tư tài chính dài hạn

	30/06/2019				01/01/2019			
	Số lượng Cổ phần	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Số lượng Cổ phần	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
a. Đầu tư vào công ty con								
Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Củ Chi	32.117.400	321.174.000.000	-	(i)	32.117.400	321.174.000.000	-	(i)
Công ty TNHH MTV Đầu tư Nước SGN	-	220.000.000.000	-	(i)	-	220.000.000.000	-	(i)
Công ty Cổ phần Cấp Nước Gia Lai	9.180.000	121.176.000.000	-	(i)	9.180.000	121.176.000.000	-	(i)
Công ty Cổ phần Cấp nước Sài Gòn Đankia	9.000.000	105.000.000.000	-	(i)	9.000.000	105.000.000.000	-	(i)
Công ty Cổ phần Cấp nước Sài Gòn - Pleiku	4.950.000	49.500.000.000	-	(i)	4.950.000	49.500.000.000	-	(i)
Công ty Cổ phần Nước Sài Gòn - An Khê	2.040.000	20.400.000.000	-	(i)	2.040.000	20.400.000.000	-	(i)
Công ty Cổ phần Giải pháp mạng nước Châu Á	1.020.000	10.200.000.000	(9.025.352.138)	1.174.647.862	1.020.000	10.200.000.000	(4.994.977.502)	5.205.022.498
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Enviro	255.000	2.550.000.000	-	(i)	255.000	2.550.000.000	-	(i)
Cộng	58.562.400	850.000.000.000	(9.025.352.138)	1.174.647.862	58.562.400	850.000.000.000	(4.994.977.502)	5.205.022.498
b. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết								
Công ty Cổ phần Đầu tư Nước Tân Hiệp	10.320.000	119.659.788.611	-	(i)	10.320.000	119.659.788.611	-	(i)

CÔNG TY CỔ PHẦN HẠ TẦNG NƯỚC SÀI GÒN

Báo cáo tài chính riêng cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Mẫu số B 09a - DN

5.12 Đầu tư tài chính (Tiếp theo)

	30/06/2019				01/01/2019			
	Số lượng Cổ phần	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Số lượng Cổ phần	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
c. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác								
Công ty Cổ phần BOO Nước Thủ Đức	409.114	143.153.395.000	-	(i)	409.114	143.153.395.000	-	(i)
Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Cần Thơ (ii)	3.374.000	51.284.800.000	-	80.976.000.000	3.374.000	51.284.800.000	-	80.976.000.000
Cộng	3.783.114	194.438.195.000	-	80.976.000.000	3.783.114	194.438.195.000	-	80.976.000.000

(i) Giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên doanh, liên kết và đầu tư vào các đơn vị khác không được xác định do đến thời điểm hiện tại vẫn chưa có hướng dẫn cụ thể và thống nhất về phương pháp xác định giá trị hợp lý trong kế toán của các khoản đầu tư này.

(ii) Giá trị hợp lý của Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Cần Thơ được xác định theo giá bán cổ phiếu trong tương lai căn cứ theo hợp đồng chuyển nhượng Công ty đã ký với Công ty Cổ phần Đầu tư Ngành nước DNP ngày 28 tháng 12 năm 2017. Việc chuyển nhượng sẽ hoàn tất vào ngày 20 tháng 7 năm 2020.

CÔNG TY CỔ PHẦN HẠ TẦNG NƯỚC SÀI GÒN

Báo cáo tài chính riêng cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO) Mẫu số B 09a - DN

5.13 Phải trả người bán ngắn hạn

	30/06/2019		01/01/2019	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Bên liên quan	5.758.044.802	5.758.044.802	5.732.734.177	5.732.734.177
Công ty Cổ phần Giải pháp mạng nước Châu Á	5.648.676.802	5.648.676.802	5.054.561.677	5.054.561.677
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Hạ tầng CII	-	-	678.172.500	678.172.500
Công ty Cổ phần Đầu tư Kỹ thuật Enviro	109.368.000	109.368.000	-	-
Nhà cung cấp khác	14.928.540.774	14.928.540.774	14.257.570.307	14.257.570.307
Công ty Cổ phần Cấp nước Kênh Đông	10.404.656.409	10.404.656.409	8.740.797.065	8.740.797.065
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Tuấn Lộc	3.248.277.836	3.248.277.836	3.481.994.396	3.481.994.396
Các nhà cung cấp khác	1.275.606.529	1.275.606.529	2.034.778.846	2.034.778.846
Cộng	20.686.585.576	20.686.585.576	19.990.304.484	19.990.304.484

5.14 Người mua trả tiền trước

	30/06/2019 VND	01/01/2019 VND
a. Ngắn hạn		
Khách hàng lẻ	61.222.000	-
b. Dài hạn		
Công ty Cổ phần Đầu tư ngành nước DNP (i)	80.976.000.000	80.976.000.000

(i) Như đã trình bày tại Thuyết minh số 5.12, Công ty đã ký hợp đồng chuyển nhượng toàn bộ cổ phiếu đang nắm giữ của Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Cần Thơ trong tương lai. Đây là số tiền Công ty nhận trước từ giao dịch chuyển nhượng này.

5.15 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	01/01/2019 VND	Số phải nộp trong kỳ VND	Số đã thực nộp trong kỳ VND	30/06/2019 VND
Thuế TNDN	9.058.325.630	8.338.849.879	13.422.604.062	3.974.571.447
Thuế thu nhập cá nhân	42.460.037	643.697.872	641.510.673	44.647.236
Thuế tài nguyên	10.903.460	34.737.580	40.950.250	4.690.790
Thuế bảo vệ môi trường	378.558.027	2.618.283.238	2.532.150.237	464.691.028
Các loại thuế, phí khác	262.762.500	3.000.000	265.762.500	-
Cộng	9.753.009.654	11.638.568.569	16.902.977.722	4.488.600.501

CÔNG TY CỔ PHẦN HẠ TẦNG NƯỚC SÀI GÒN

Báo cáo tài chính riêng cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO) Mẫu số B 09a - DN

5.16 Chi phí phải trả ngắn hạn

	30/06/2019	01/01/2019
	VND	VND
Chi phí lãi vay	11.592.774.782	12.481.784.907
Chi phí quản lý, vận hành, bảo trì dự án Củ Chi	-	1.313.500.087
Các khoản trích trước khác	1.985.129.046	725.484.701
Cộng	13.577.903.828	14.520.769.695
<i>Trong đó, phải trả với bên liên quan</i>		
Công ty Cổ phần Giải pháp mạng nước Châu Á	-	708.500.087

5.17 Doanh thu chưa thực hiện

	30/06/2019	01/01/2019
	VND	VND
a. Ngắn hạn		
Khoản hỗ trợ từ Sở Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh (i)	100.000.000.012	-
b. Dài hạn		
Khoản hỗ trợ từ Sở Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh (i)	-	200.000.000.008

(i) Doanh thu chưa thực hiện là khoản hỗ trợ không hoàn lại của Sở tài chính Thành phố Hồ Chí Minh thực hiện theo công văn số 826/TB - VP ngày 29 tháng 10 năm 2015 của Ủy Ban Nhân Dân Thành phố Hồ Chí Minh. Khoản hỗ trợ này được sử dụng để bù đắp chênh lệch giữa giá phí nước sạch thực tế mà Công ty cung cấp và giá phí nước sạch được Ủy Ban Nhân Dân Thành Phố duyệt khi bán cho các hộ dân trong giai đoạn từ năm 2016 đến năm 2020.

Khoản doanh thu chưa thực hiện này được phân bổ vào thu nhập khác trong vòng 3 năm kể từ năm 2017 (xem thêm tại thuyết minh 5.27).

CÔNG TY CỔ PHẦN HẠ TẦNG NƯỚC SÀI GÒN

Báo cáo tài chính riêng cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO) Mẫu số B 09a - DN**5.18 Phải trả khác**

	30/06/2019	01/01/2019
	VND	VND
a. Ngắn hạn		
Thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	835.289.000	833.789.000
Phải trả tiền lãi khoản hỗ trợ vốn	214.383.562	-
Phải trả ngắn hạn khác	186.083.184	165.837.618
Cộng	1.235.755.746	999.626.618
b. Dài hạn		
Phải trả tiền hợp tác đầu tư vào dự án Củ Chi (i)	630.000.000.000	630.000.000.000
Phải trả về đầu tư góp vốn hợp tác đầu tư (ii)	220.000.000.000	220.000.000.000
Cộng	850.000.000.000	850.000.000.000
<i>Trong đó, phải trả khác với bên liên quan</i>		
Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Củ Chi	630.000.000.000	630.000.000.000
Công ty TNHH MTV Đầu tư Nước SGN	220.000.000.000	220.000.000.000
Công ty CII	214.383.562	-
Cộng	850.214.383.562	850.000.000.000

(i) Đây là số tiền mà Công ty nhận vốn góp liên doanh thực hiện Dự án đầu tư phát triển, quản lý hệ thống cấp nước và phân phối nước sạch trên địa bàn huyện Củ Chi như đã trình bày tại Thuyết minh 5.11. Theo hợp đồng hợp tác kinh doanh đã ký kết ngày 29 tháng 10 năm 2015, Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Củ Chi sẽ góp vốn với số tiền là 630.000.000.000 VND để tham gia dự án. Theo cam kết Công ty sẽ chuyển nhượng lại dự án cho Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Củ Chi vận hành và hoạt động không muộn hơn 3 năm sau ngày hiệu lực hợp đồng. Công ty đóng vai trò là chủ đầu tư và chịu trách nhiệm về công tác kế toán của dự án này.

(ii) Đây là số tiền mà Công ty nhận được theo Hợp đồng hợp tác đầu tư ngày 3 tháng 1 năm 2017 với Công ty TNHH MTV Đầu tư Nước SGN. Theo hợp đồng này, Công ty sẽ tìm kiếm các công ty hoạt động trong ngành nước và các ngành liên quan đến ngành nghề kinh doanh của các bên để đầu tư dưới hình thức mua lại cổ phần, phần vốn góp nhằm mục đích tham gia quản lý điều hành tại công ty mục tiêu. Công ty sẽ phân chia lại lợi nhuận khi nhận được lợi nhuận từ công ty mục tiêu theo tỷ lệ 50:50 với Công ty TNHH MTV Đầu tư Nước SGN.

CÔNG TY CỔ PHẦN HẠ TẦNG NƯỚC SÀI GÒN

Báo cáo tài chính riêng cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Mẫu số B 09a - DN

5.19 Vay và nợ thuê tài chính**a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

	30/06/2019		Phát sinh trong kỳ		01/01/2019	
	Nợ gốc VND	Giá trị có khả năng thanh toán VND	Tăng VND	Giảm VND	Nợ gốc VND	Giá trị có khả năng thanh toán VND
Khoản vay bên liên quan						
Công ty CII	27.500.000.000	27.500.000.000	27.500.000.000	-	-	-
Khoản vay các bên khác						
Các khoản vay và nợ dài hạn đến hạn trả (<i>xem thuyết minh b</i>)	24.870.000.000	24.870.000.000	-	-	17.120.000.000	17.120.000.000
Trái phiếu đến hạn (<i>xem thuyết minh b</i>)	84.240.700.000	84.240.700.000	-	-	85.000.000.000	85.000.000.000
Tổng cộng	136.610.700.000	136.610.700.000	27.500.000.000	-	102.120.000.000	102.120.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN HẠ TẦNG NƯỚC SÀI GÒN

Báo cáo tài chính riêng cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Mẫu số B 09a - DN

5.19 Vay và nợ thuê tài chính (tiếp theo)**b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn**

	30/06/2019		Phát sinh trong kỳ		01/01/2019	
	Nợ gốc VND	Giá trị có khả năng thanh toán VND	Tăng VND	Giảm VND	Nợ gốc VND	Giá trị có khả năng thanh toán VND
Vay Ngân hàng						
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN 11	661.007.606.012	661.007.606.012	-	10.865.765.253	671.873.371.265	671.873.371.265
Cộng	661.007.606.012	661.007.606.012	-	10.865.765.253	671.873.371.265	671.873.371.265
Trừ: Các khoản vay và nợ dài hạn phải trả trong vòng 12 tháng	(24.870.000.000)	(24.870.000.000)			(17.120.000.000)	(17.120.000.000)
Cộng	636.137.606.012	636.137.606.012			654.753.371.265	654.753.371.265
Trái phiếu						
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam (VIB) - CN TP. HCM (i)	212.500.000.000	212.500.000.000	-	42.500.000.000	255.000.000.000	255.000.000.000
Chi phí phát hành	(1.898.250.005)	(1.898.250.005)	-	379.650.000	(2.277.900.005)	(2.277.900.005)
Cộng	210.601.749.995	210.601.749.995	-	42.879.650.000	252.722.099.995	252.722.099.995
Trừ: Nợ gốc trái phiếu phải trả trong vòng 12 tháng	(85.000.000.000)	(85.000.000.000)			(85.000.000.000)	(85.000.000.000)
Cộng: Chi phí phát hành trái phiếu kết chuyển trong 12 tháng	759.300.000	759.300.000			-	-
Cộng	126.361.049.995	126.361.049.995			167.722.099.995	167.722.099.995
Tổng cộng	762.498.656.007	762.498.656.007	-	53.745.415.253	822.475.471.260	822.475.471.260

CÔNG TY CỔ PHẦN HẠ TẦNG NƯỚC SÀI GÒN

Bảo cáo tài chính riêng cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Mẫu số B 09a - DN

5.19 Vay và nợ thuê tài chính (tiếp theo)

Thông tin bổ sung cho các khoản vay

Bên cho vay	Số dư	Thời hạn vay	Ngày đáo hạn	Lãi suất vay	Mục đích vay	Tài sản đảm bảo
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh 11	494.087.939.474	126 tháng	06/04/2026	Thả nổi, lãi suất trong kỳ là 9,1%	Phục vụ cho Dự án Củ Chi	Toàn bộ tài sản của dự án Củ Chi, bao gồm các hạng mục công trình, các khoản thanh toán từ các giao dịch cho thuê, cung cấp sản phẩm của dự án, chuyển nhượng, tiền bảo hiểm, quyền kinh doanh và khai thác tài sản của dự án.
	166.919.666.538	180 tháng	28/06/2032	Thả nổi, lãi suất trong kỳ là 9,6%	Phục vụ cho Dự án Củ Chi	
Công ty CII	27.500.000.000	12 tháng	21/06/2020	Lãi suất trong kỳ cố định 10%/năm	Bổ sung vốn lưu động	Khoản vay không có tài sản đảm bảo.

Thông tin bổ sung cho trái phiếu phát hành

(i) Trái phiếu 380 tỷ phát hành cho Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam (VIB) - chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh:

- Loại trái phiếu: trái phiếu thường không chuyển đổi;
- Mệnh giá: 380.000.000.000 VND;
- Ngày phát hành: 23 tháng 12 năm 2016;
- Thời hạn trái phiếu: 5 năm;
- Thanh toán lãi trái phiếu: lãi trái phiếu trả định kỳ 3 tháng một lần kể từ và bao gồm ngày phát hành cho đến khi hoàn thành các nghĩa vụ liên quan đến Trái phiếu;
- Lãi suất: Lãi suất trong 4 kỳ đầu tiên là 9%/năm. Các kỳ tính lãi tiếp theo lãi suất áp dụng theo lãi suất thả nổi điều chỉnh và được xác định bằng lãi huy động tiền gửi tiết kiệm bằng Đồng Việt Nam kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc tế Việt Nam + biên độ 2,8%/năm;
- Mục đích: 160 tỷ đồng trái phiếu được sử dụng để đầu tư giai đoạn 2 dự án Củ Chi và 220 tỷ đồng đã được sử dụng để góp vốn thành lập Công ty TNHH MTV Đầu tư Nước SGN;

CÔNG TY CỔ PHẦN HẠ TẦNG NƯỚC SÀI GÒN

Báo cáo tài chính riêng cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO) Mẫu số B 09a - DN**5.19 Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)**

Công ty đã sử dụng cổ phần của một số công ty con, công ty liên kết để cầm cố, thế chấp cho trái phiếu phát hành, cụ thể:

	Số lượng cổ phần	Giá trị VND
Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Củ Chi	32.117.400	321.174.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Nước Tân Hiệp	10.320.000	103.200.000.000
Công ty Cổ phần Cấp nước Gia Lai	9.180.000	91.800.000.000
Công ty Cổ phần Cấp nước Sài Gòn Đankia	9.000.000	90.000.000.000
Công ty Cổ phần Cấp nước Sài Gòn Pleiku	4.950.000	49.500.000.000
Công ty Cổ phần Giải pháp Mạng nước Châu Á	1.020.000	10.200.000.000
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Enviro	25.500	2.550.000.000
Cộng	66.612.900	668.424.000.000

Các khoản vay dài hạn của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh 11 được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	30/06/2019 VND	01/01/2019 VND
Trong vòng một năm	24.870.000.000	17.120.000.000
Trong năm thứ hai	44.020.000.000	34.250.000.000
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	235.184.000.000	211.120.000.000
Sau năm năm	356.933.606.012	409.383.371.265
	661.007.606.012	671.873.371.265
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng	(24.870.000.000)	(17.120.000.000)
Cộng	636.137.606.012	654.753.371.265

Trái phiếu trên sẽ được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	30/06/2019 VND	01/01/2019 VND
Trong vòng một năm	85.000.000.000	85.000.000.000
Trong năm thứ hai	85.000.000.000	85.000.000.000
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	42.500.000.000	85.000.000.000
Sau năm năm	-	-
Cộng	212.500.000.000	255.000.000.000
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng	(85.000.000.000)	(85.000.000.000)
Trừ: các khoản ghi nhận vào chi phí tài chính trong tương lai (*)	(1.138.950.005)	(2.277.900.005)
Số phải trả sau 12 tháng	126.361.049.995	167.722.099.995

(*) Đây là các khoản chi phí phát hành trái phiếu được ghi nhận giảm trừ vào mệnh giá trái phiếu tại thời điểm phát hành. Chi phí này sẽ được hoàn nhập dần vào kết quả kinh doanh trong tương lai theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của trái phiếu.

CÔNG TY CỔ PHẦN HẠ TẦNG NƯỚC SÀI GÒN

Báo cáo tài chính riêng cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Mẫu số B 09a - DN

5.20 Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Cộng VND
Tại ngày 01 tháng 01 năm 2018	645.160.000.000	162.330.434.000	9.967.111.246	216.005.293.802	1.033.462.839.048
Tăng vốn trong năm	-	-	-	-	-
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	47.650.296.949	47.650.296.949
Trích lập quỹ đầu tư phát triển	-	-	1.939.364.788	(1.939.364.788)	-
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(1.939.364.788)	(1.939.364.788)
Tại ngày 01 tháng 01 năm 2019	645.160.000.000	162.330.434.000	11.906.476.034	259.776.861.175	1.079.173.771.209
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	25.249.252.390	25.249.252.390
Trích lập quỹ đầu tư phát triển (i)	-	-	2.143.641.084	(2.143.641.084)	-
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi (i)	-	-	-	(2.143.641.084)	(2.143.641.084)
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2019	645.160.000.000	162.330.434.000	14.050.117.118	280.738.831.397	1.102.279.382.515

(i) Việc trích lập quỹ đầu tư phát triển và quỹ khen thưởng, phúc lợi trong kỳ được thực hiện theo Nghị quyết Đại hội Đồng cổ đông số 01/2019/NQ-ĐHĐCĐ ngày 17 tháng 4 năm 2019.

b. Chi tiết vốn chủ sở hữu

Tên Cổ đông	30/06/2019		01/01/2019	
	Tỷ lệ (%)	Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)	Giá trị (VND)
Công ty CII	50,61%	326.547.500.000	50,61%	326.547.500.000
Vốn góp của cổ đông khác	49,39%	318.612.500.000	49,39%	318.612.500.000
Cộng	100,00%	645.160.000.000	100,00%	645.160.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN HẠ TẦNG NƯỚC SÀI GÒN

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO) Mẫu số B 09a - DN

5.20 **Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)**

c. Cổ phiếu

	30/06/2019	01/01/2019
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	64.516.000	64.516.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành ra công chúng	64.516.000	64.516.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	64.516.000	64.516.000
Số lượng cổ phiếu đã mua lại (cổ phiếu quỹ)	-	-
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	64.516.000	64.516.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	64.516.000	64.516.000
Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 VND/cổ phiếu		

d. Cổ tức

Theo Nghị quyết Đại hội Đồng cổ đông ngày 17 tháng 4 năm 2019, Công ty không chia cổ tức năm 2018 và không đề cập đến kế hoạch chia cổ tức năm 2019, do đó cổ tức của năm 2019 sẽ được Công ty ghi nhận căn cứ vào quyết định các cổ đông trong cuộc họp thường niên của năm tới.

5.21 **Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Từ 01/01/2019	Từ 01/01/2018
	đến 30/06/2019	đến 30/06/2018
	VND	VND
Doanh thu cung cấp nước sạch	28.640.943.460	19.566.571.936
Doanh thu tư vấn công nghệ sản xuất nước sạch, các dịch vụ liên quan và doanh thu khác	1.550.265.069	227.482.887
Cộng	30.191.208.529	19.794.054.823

Trong đó, doanh thu phát sinh từ giao dịch với các bên liên quan

Công ty Cổ phần Giải pháp mạng nước Châu Á	119.176.458	17.321.052
--	-------------	------------

5.22 **Giá vốn hàng bán**

	Từ 01/01/2019	Từ 01/01/2018
	đến 30/06/2019	đến 30/06/2018
	VND	VND
Giá vốn cung cấp nước sạch	55.312.056.160	47.287.586.939
Giá vốn dịch vụ tư vấn công nghệ sản xuất nước sạch, các dịch vụ liên quan và giá vốn khác	1.360.690.736	216.317.767
Cộng	56.672.746.896	47.503.904.706

Trong đó, giá vốn phát sinh từ giao dịch với các bên liên quan

Công ty TNHH MTV Dịch vụ Hạ tầng CII	900.922.727	1.146.031.818
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Enviro	601.363.604	-
Công ty Cổ phần Giải pháp mạng nước Châu Á	119.176.458	-
Tổng	1.621.462.789	1.146.031.818

CÔNG TY CỔ PHẦN HẠ TẦNG NƯỚC SÀI GÒN

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO) Mẫu số B 09a - DN**5.23 Doanh thu hoạt động tài chính**

	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 VND	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	2.836.846.944	43.339.068.760
Lãi chậm thanh toán	6.376.324.519	6.376.324.520
Cổ tức, lợi nhuận được chia (i)	13.592.912.000	8.182.280.000
Cộng	22.806.083.463	57.897.673.280

Trong đó, doanh thu phát sinh từ giao dịch với các bên liên quan

Công ty Cổ phần Đầu tư Nước Tân Hiệp	10.320.000.000	-
Công ty CII	6.583.447.807	6.376.324.520
Công ty Cổ phần Cấp nước Sài Gòn - Pleiku	1.492.484.034	436.300.654
Công ty Cổ phần Nước Sài Gòn - An Khê	38.950.474	-
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Enviro	-	38.004.418.956
Cộng	18.434.882.315	44.817.044.130

5.24 Chi phí tài chính

	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 VND	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 VND
Chi phí lãi vay	43.030.122.306	44.363.049.756
Dự phòng tổn thất đầu tư	4.030.374.636	-
Chi phí phát hành trái phiếu	379.650.000	379.649.998
Chi phí tài chính khác	6.748.000	8.142.587
Cộng	47.446.894.942	44.750.842.341

Trong đó, chi phí phát sinh từ giao dịch với các bên liên quan

Công ty CII	214.383.562	-
-------------	-------------	---

5.25 Chi phí bán hàng

	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 VND	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 VND
Chi phí nhân viên	3.960.224.670	2.602.193.879
Chi phí khấu hao tài sản cố định	94.751.499	552.524.471
Các khoản chi phí khác	283.260.612	512.176.254
Cộng	4.338.236.781	3.666.894.604

CÔNG TY CỔ PHẦN HẠ TẦNG NƯỚC SÀI GÒN

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO) Mẫu số B 09a - DN**5.26 Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 VND	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 VND
Chi phí nhân viên quản lý	7.527.628.099	9.660.978.099
Chi phí khấu hao TSCĐ	178.739.394	87.899.245
Chi phí dịch vụ quản lý, bảo dưỡng và vận hành dự án Củ Chi	189.937.905	1.074.999.998
Các khoản chi phí khác	3.018.892.580	4.605.650.200
Cộng	10.915.197.978	15.429.527.542

Trong đó, chi phí phát sinh từ giao dịch với các bên liên quan

Công ty TNHH MTV Đầu tư Kinh doanh Địa ốc Lữ Gia	459.319.292	456.782.006
Công ty Cổ phần Giải pháp mạng nước Châu Á	189.937.905	1.775.363.634
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Enviro	90.000.000	-
Cộng	739.257.197	2.232.145.640

5.27 Thu nhập khác

	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 VND	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 VND
Phân bổ khoản hỗ trợ của UBND Tp. Hồ Chí Minh (xem thêm tại thuyết minh số 5.17)	99.999.999.996	99.999.999.996
Các khoản thu nhập khác	-	22.910.000
Cộng	99.999.999.996	100.022.909.996

5.28 Chi phí khác

	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 VND	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 VND
Chi phí phạt vi phạm hành chính và phạt thuế	31.113.122	10.752.840
Các khoản chi phí khác	5.000.000	-
Cộng	36.113.122	10.752.840

CÔNG TY CỔ PHẦN HẠ TẦNG NƯỚC SÀI GÒN

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO) Mẫu số B 09a - DN**5.29 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 VND	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	33.588.102.269	66.352.716.066
Các khoản điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Cộng: Các khoản chi phí không hợp lý, hợp lệ	21.622.047.127	239.084.624
Trừ: Cổ tức, lợi nhuận được chia	(13.592.912.000)	(8.182.280.000)
Thu nhập chịu thuế	41.617.237.396	58.409.520.690
Lỗi tính thuế mang sang	-	-
Thu nhập tính thuế	41.617.237.396	58.409.520.690
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	8.323.447.479	11.681.904.138
Thuế TNDN bị truy thu trong kỳ	15.402.400	53.764.200
Chi phí thuế TNDN hiện hành	8.338.849.879	11.735.668.338

6. THÔNG TIN KHÁC**6.1 Thu nhập của Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc được hưởng trong kỳ**

	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 VND	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 VND
Lương, thưởng và các khoản phúc lợi khác	2.379.056.300	2.301.484.498

6.2 Công cụ tài chính - Quản lý rủi ro**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 5.19 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của công ty mẹ gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày chi tiết tại Thuyết minh số 4.

CÔNG TY CỔ PHẦN HẠ TẦNG NƯỚC SÀI GÒN

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO) Mẫu số B 09a - DN**6.2 Công cụ tài chính - Quản lý rủi ro (tiếp theo)****Các loại công cụ tài chính**

	Giá trị ghi sổ	
	30/09/2019 VND	01/01/2019 VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	22.944.920.876	121.405.842.674
Các khoản phải thu về cho vay	35.779.701.287	27.759.217.253
Phải thu khách hàng và phải thu khác	196.375.995.255	196.725.060.943
Đầu tư tài chính dài hạn	1.155.072.631.473	1.159.103.006.109
Tổng	1.410.173.248.891	1.504.993.126.979
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	899.109.356.007	924.595.471.260
Phải trả người bán và phải trả khác	871.922.341.322	870.989.931.102
Chi phí phải trả	13.577.903.828	14.520.769.695
Tổng	1.784.609.601.157	1.810.106.172.057

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính riêng Quốc tế về việc trình bày Báo cáo tài chính riêng và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn trong đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính riêng Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ do Công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

Rủi ro về giá**Quản lý rủi ro về giá hàng hóa**

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa.

6.2 Công cụ tài chính - Quản lý rủi ro (tiếp theo)

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và dư vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả và trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

Tại 30/06/2019	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng VND
Các khoản vay	136.610.700.000	762.498.656.007	899.109.356.007
Phải trả người bán và phải trả khác	21.922.341.322	850.000.000.000	871.922.341.322
Chi phí phải trả	13.577.903.828	-	13.577.903.828
Tổng	172.110.945.150	1.612.498.656.007	1.784.609.601.157
Tại 01/01/2019	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng VND
Các khoản vay	102.120.000.000	822.475.471.260	924.595.471.260
Phải trả người bán và phải trả khác	20.989.931.102	850.000.000.000	870.989.931.102
Chi phí phải trả	14.520.769.695	-	14.520.769.695
Tổng	137.630.700.797	1.672.475.471.260	1.810.106.172.057

CÔNG TY CỔ PHẦN HẠ TẦNG NƯỚC SÀI GÒN

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO) Mẫu số B 09a - DN**6.2 Công cụ tài chính - Quản lý rủi ro (tiếp theo)****Quản lý rủi ro thanh khoản (tiếp theo)**

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

Tại 30/06/2019	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	22.944.920.876	-	22.944.920.876
Phải thu về cho vay	1.878.000.000	33.901.701.287	35.779.701.287
Phải thu khách hàng và phải thu khác	196.037.595.255	338.400.000	196.375.995.255
Đầu tư tài chính dài hạn	-	1.155.072.631.473	1.155.072.631.473
Tổng	220.860.516.131	1.189.312.732.760	1.410.173.248.891
Tại 01/01/2019	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	121.405.842.674	-	121.405.842.674
Phải thu về cho vay	-	27.759.217.253	27.759.217.253
Phải thu khách hàng và phải thu khác	196.506.660.943	218.400.000	196.725.060.943
Đầu tư tài chính dài hạn	-	1.159.103.006.109	1.159.103.006.109
Tổng	317.912.503.617	1.187.080.623.362	1.504.993.126.979

6.3 Các sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính riêng cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019.

CÔNG TY CỔ PHẦN HẠ TẦNG NƯỚC SÀI GÒN


Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO) Mẫu số B 09a - DN


6.4 Số liệu so sánh

- Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này được lập cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019, Số liệu so sánh là số liệu của Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 đã được kiểm toán và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 đã được soát xét.


Tp.Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 8 năm 2019



Hồ Thị Xuân
Người lập biểu



Nguyễn Thị Hồng Hạnh
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Thành
Tổng Giám đốc

